

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A
THÀNH PHỐ P

Bản án số: 138/2024/HS-ST
Ngày 05-11-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ N Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận A, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận A, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2024/TLST- HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Đào D; sinh ngày 25 tháng 5 năm 1985 tại tỉnh B; nơi cư trú: Tổ 9, phường H, quận A, thành phố P; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào D và bà Đặng D; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17-7-2024 đến ngày 26-7-2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Vũ N, sinh năm 1962, trú tại: Số 126 Hoàng K, phường H, quận A, thành phố P. Vắng mặt.

Chị Nguyễn H, sinh năm 1983, trú tại: Số 167 C, phường H, quận A, thành phố P. Vắng mặt.

Bà Lê N, sinh năm, 1969, trú tại: Số 20/203 Hoàng K, phường H, quận A, thành phố P. Vắng mặt.

Bà Vũ T, sinh năm 1967, Tổ 9 phường H, quận A, thành phố P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định nên từ giữa năm 2023 đến ngày 16-7-2024, Đào D đã sử dụng nguồn tiền cá nhân của mình để cho vay với mức lãi vay từ 3.000 đồng đến 7.000 đồng/triệu/01 ngày, tương ứng lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm; cao gấp từ 5,5 lần đến 12,8 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định. D cho khách hàng vay tiền và trả tiền lãi cố định theo chu kỳ 10 ngày hoặc một tháng phải trả lãi một lần bằng tiền mặt. Để quản lý việc cho vay, D đã ghi danh sách khách vay tiền, thời gian vay, số tiền vay và cách tính lãi vào 01 tờ giấy vở học sinh. Quá trình cho vay D thực hiện tại nhà, không viết giấy vay nợ và không có tài sản thế chấp. Ngày 17-7-2024, D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận A để đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp 01 tờ giấy viết tay có chứa đựng thông tin 04 người vay. Quá trình điều tra đã chứng minh D cho 04 người vay cụ thể như sau:

Đối với khoản vay của bà Vũ N: Ngày 11-8-2023, D cho bà NH vay số tiền là: 10.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày trong vòng 30 ngày bà NH phải trả tiền lãi cho D số tiền: 900.000 đồng (tương ứng lãi suất 109,5%/ năm, cao gấp 5,5 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định). Bà NH đã đóng cho D 11 tháng tiền lãi thì hành vi của D bị phát hiện. Đến nay bà NH đã tất toán khoản vay trên. Tổng số tiền lãi bà NH trả cho D là: 9.900.000 đồng; trong đó, số tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 1.808.219 đồng; số tiền thu lợi bất chính của D là: 8.091.781 đồng.

Đối với khoản vay của bà Nguyễn H: Ngày 18-4-2024, D cho bà H vay số tiền là: 35.000.000 đồng với lãi suất là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trong vòng 30 ngày bà H phải trả tiền lãi cho D với số tiền: 7.350.000 đồng (tương ứng lãi suất 255,5%/ năm, cao gấp 12,8 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định). Bà H đã đóng cho D 03 tháng tiền lãi thì hành vi của D bị phát hiện. Bà H chưa tất toán khoản vay trên. Tổng số tiền lãi bà H đã trả cho D là: 22.050.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.726.027 đồng; số tiền thu lợi bất chính của D là 20.323.973 đồng.

Đối với khoản vay của bà Lê N: Ngày 17-5-2024, D cho bà N vay số tiền là: 30.000.000 đồng với lãi suất là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trong vòng 30 ngày bà N phải trả tiền lãi cho D với số tiền: 5.400.000 đồng (tương ứng lãi suất 219,0%/ năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định). Bà N đã đóng cho D 02 tháng tiền lãi thì hành vi của D bị phát hiện. Bà N

đã tất toán khoản vay trên. Tổng số tiền lãi bà N đã trả cho D là 10.800.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 986.301 đồng; số tiền thu lợi bất chính của D là 9.813.699 đồng. Ngày 15-7-2024, bà N tiếp tục vay của D số tiền 5.000.000 đồng với cùng mức lãi suất nhưng chưa kịp trả lãi thì hành vi của D bị phát hiện. Số tiền này bà N đã trả hết cho D.

Đối với khoản vay của bà Nguyễn T: Ngày 17-5-2024, D cho bà TH vay số tiền là: 5.000.000 đồng với lãi suất là 6.000 đồng/ 01 triệu /01 ngày, trong vòng 30 ngày bà TH phải trả tiền lãi cho D số tiền: 900.000đ (tương ứng lãi suất 219,0%/ năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định). Bà TH đã đóng cho D 01 tháng và 07 ngày tiền lãi thì hành vi của D bị phát hiện. Bà TH chưa tất toán khoản vay trên. Tổng số tiền lãi bà TH đã trả cho D là 1.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 101.370 đồng; số tiền thu lợi bất chính của D là 998.630 đồng.

Bản Cáo trạng số 142/CT-VKSKA ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố P truy tố Đào D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận các tình tiết vụ án phù hợp Cáo trạng; thừa nhận các tài liệu trong hồ sơ vụ án là khách quan; thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội danh, rất ân hận về hành vi của mình; xin được hưởng sự khoan H của pháp luật để cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Đào D từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 9 ngày tạm giữ tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chịu từ 08 tháng 03 ngày đến 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập. Về hình phạt bổ sung: Không. Về vật chứng: Bị cáo phải nộp 70.944.520 đồng để sung ngân sách nhà nước. Bị cáo phải trả lại cho bà Vũ N 8.091.781 đồng; trả lại cho bà Lê N 9.813.699 đồng. Buộc nộp số tiền sung ngân sách nhà nước đối với: Bà Nguyễn H 14.676.027 đồng; bà Vũ T 4.001.370 đồng. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bởi vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của đương sự, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 8-2023 đến tháng 7-2024, Đào D đã thực hiện hành vi trong giao dịch dân sự cho các bà Vũ N, bà Nguyễn Thị H, bà Lê N và bà Nguyễn T vay lãi tổng cộng số tiền 85.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm), thu lời bất chính là 39.228.082 đồng. Đủ căn cứ kết luận bị cáo Đào D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế tại địa phương, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo hình phạt ở mức khởi điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, bảo đảm trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Bị cáo bị phạt tiền, lao động tự do, phải nuôi hai con hiện đang đi học, nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thừa nhận vợ cH của bị cáo có nhà ở; thu nhập của bị cáo làm lái xe taxi khoảng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng, vợ bị cáo thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng nhưng phải nuôi 2 con hiện đang học lớp 8 và lớp 4, nên cần phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật đối với tội phạm này.

[9] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với khoản

tiền của bị cáo dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay; trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu; buộc người vay phải nộp tiền sung ngân sách nhà nước đối với dư nợ gốc chưa thanh toán sau khi tính số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu là tiền nợ gốc đã thanh toán; phù hợp quy định khoản 1, 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể xác định như sau:

[9.1] Bà Vũ N vay 10.000.000 đồng; đã thanh toán tiền nợ gốc: 10.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm: 1.808.219 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm: 8.091.781 đồng. Bởi vậy, bị cáo phải nộp số tiền để sung ngân sách nhà nước là: 10.000.000 đồng + 1.808.219 đồng = 11.808.219 đồng; trả lại cho bà Vũ N: 8.091.781 đồng.

[9.2] Chị Nguyễn H vay 35.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền nợ gốc; thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm: 1.726.027 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm: 20.323.973 đồng. Bởi vậy, bị cáo phải nộp số tiền để sung ngân sách nhà nước là: 1.726.027 đồng + 20.323.973 đồng = 22.050.000 đồng; chị Nguyễn H phải nộp tiền sung ngân sách nhà nước là 35.000.000 đồng - 20.323.973 đồng = 14.676.027 đồng.

[9.3] Bà Lê N vay 35.000.000 đồng; đã thanh toán tiền nợ gốc: 35.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm: 986.301 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm: 9.813.699 đồng. Bởi vậy, bị cáo phải nộp số tiền để sung ngân sách nhà nước là: 35.000.000 đồng + 986.301 đồng = 35.986.301 đồng; trả lại cho bà Lê N: 9.813.699 đồng.

[9.4] Bà Vũ T vay 5.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền nợ gốc; đã thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm: 101.370 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm: 998.630 đồng. Bởi vậy, buộc bị cáo phải nộp số tiền để sung ngân sách nhà nước là: 101.370 đồng + 998.630 đồng = 1.100.000 đồng; bà Vũ T phải nộp tiền sung ngân sách nhà nước là 5.000.000 đồng - 998.630 đồng = 4.001.370 đồng.

[9.5] Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc: Buộc bị cáo phải nộp 70.944.520 đồng để sung ngân sách nhà nước. Bị cáo phải trả lại cho bà Vũ N 8.091.781 đồng; trả lại cho bà Lê N 9.813.699 đồng. Buộc nộp số tiền sung ngân sách nhà nước đối với: Bà Nguyễn H 14.676.027 đồng; bà Vũ T 4.001.370 đồng.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Đào D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Đào D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày tạm giữ được đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận A, thành phố P nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Đào D được hưởng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đào D phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ một ngày và không quá 05 (năm) ngày một tuần.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo.

Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đào D phải nộp 70.944.520 đồng (bảy mươi triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Đào D phải trả cho bà Vũ N 8.091.781 đồng (tám triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng);

Đào D phải trả cho bà Lê N 9.813.699 đồng (chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

Bà Nguyễn H phải nộp số tiền sung ngân sách nhà nước là 14.676.027 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

Bà Vũ T phải nộp số tiền sung ngân sách nhà nước là 4.001.370 đồng (bốn triệu, linh một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo về phần

dân sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. P;
- VKSND TP. P;
- Sở Tư pháp TP. P;
- VKSND quận A;
- Công an quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Bị cáo, đương sự;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ N Sinh